

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
CỦA BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
SỐ 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN NGÀY 04 THÁNG 10 NĂM 2006

HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KHOẢN KINH PHÍ CỦA ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ “Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập”;

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 272/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010 và Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 28/9/2004 về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ;

Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) hướng dẫn chế độ khoản kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao trách nhiệm: chủ trì (đối với tổ chức), chủ nhiệm (đối với cá nhân) thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là đề tài, dự án) thông qua phương thức tuyển chọn hoặc xét chọn để giao trực tiếp.

2. Phạm vi áp dụng: Các đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn (bao gồm đề tài, dự án cấp nhà nước; đề tài, dự án cấp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng công ty 91, các Ban của Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, cơ quan trung ương các Hội đoàn thể; đề tài, dự án cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - gọi chung là đề tài, dự án cấp bộ, tỉnh, thành phố) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mục tiêu, nội dung, yêu cầu về sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và dự toán kinh phí.

3. Khoản kinh phí thực hiện đề tài, dự án là giao quyền tự chủ cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm trong việc sử dụng dự toán kinh phí của đề tài, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gắn với trách nhiệm về các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án, nhằm đạt được mục tiêu, kết quả cao nhất.

4. Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các tổ chức chủ trì đề tài, dự án được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Việc quyết toán kinh phí của đề tài, dự án được thực hiện theo quy định hiện hành; đối với các đề tài, dự án thực hiện trong nhiều năm, thì tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án quyết toán hàng năm theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi. Khi kết thúc đề tài, dự án thì tổng hợp lũy kế quyết toán từ năm đầu thực hiện đến năm báo cáo.

6. Giải thích từ ngữ

a. Kinh phí tiết kiệm được quy định tại Thông tư này là kinh phí chênh lệch giữa tổng dự toán kinh phí của đề tài, dự án được duyệt so với tổng quyết toán kinh phí chi tiêu thực tế của đề tài, dự án sau khi đề tài, dự án đã hoàn thành khối lượng công việc được giao, được đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài, dự án từ mức “Đạt” trở lên.

b. Đề tài, dự án không hoàn thành là đề tài, dự án thuộc một trong các loại sau đây:

- Bị đình chỉ trong quá trình thực hiện theo quyết định của cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án do sai phạm hoặc không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ;

- Có kết quả được đánh giá nghiệm thu ở mức “Không đạt” tại Hội đồng nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài, dự án và không được cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án cho phép gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả.

c. Việc xác định kết quả đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án đạt mức A, B, C và không đạt được căn cứ và vận dụng theo Quyết định số 13/QĐ-BKH&CN ngày 25/5/2004 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành “Quy chế đánh giá nghiệm thu đề tài KH&CN cấp nhà nước”.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Các nội dung chi giao khoán cho tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án, bao gồm:

a. Chi tiền công, thù lao cho cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật thực hiện các nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi thù lao chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá (trong và ngoài nước); chi tiền công lao động khác tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án; về mức chi thực hiện theo quy định tại Tiết a Khoản 4 Mục này.

b. Chi về vật tư, hóa chất nguyên, nhiên, vật liệu cần thiết (đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành) cho thí nghiệm, thử nghiệm; chi mua tài liệu, tư liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, sách, tạp chí tham khảo, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, tài liệu chuyên môn, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng, bảo hộ lao động,... phục vụ trực tiếp cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án;

c. Các khoản chi: hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ, chuyển giao kết quả nghiên cứu; chi công tác phí trong nước; chi đoàn vào; chi hội nghị, hội thảo khoa học của đề tài, dự án; chi văn phòng phẩm, in ấn, thông tin, liên lạc; chi dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài; chi biên soạn và in ấn sách chuyên khảo để phổ biến trong khuôn khổ của đề tài, dự án; phí đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát

triển công nghệ (nếu có); chi hoạt động quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại đối với sản phẩm của đề tài, dự án (đối với các đề tài, dự án có các hoạt động này và được bố trí trong dự toán do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt);

d. Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án.

2. Các nội dung chi không giao khoán cho tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án, bao gồm:

a. Chi về vật tư, hóa chất, nguyên nhiên vật liệu (không có định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành) cho thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ yêu cầu nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án .

b. Chi đoàn ra (nếu có).

c. Chi mua sắm mới tài sản cố định thiết yếu, chi sửa chữa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án.

d. Chi thuê, khấu hao (nếu có) máy móc, thiết bị, nhà xưởng tham gia thực hiện đề tài, dự án.

3. Lập và phê duyệt dự toán kinh phí của đề tài, dự án:

a. Lập dự toán :

- Căn cứ để lập dự toán:

+ Các nội dung nghiên cứu của đề tài, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành, chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế-kỹ thuật thì phải thuyết minh chi tiết căn cứ lập dự toán.

- Dự toán kinh phí của đề tài, dự án phải gắn với các nội dung và sản phẩm nghiên cứu cụ thể; có thuyết minh rõ cơ sở xây dựng dự toán theo các nội dung công việc.

- Chủ nhiệm đề tài, dự án lập dự toán chi tiết kinh phí của đề tài, dự án theo các nội dung chi quy định tại Điểm 1 và 2, Mục II nêu trên, báo cáo tổ chức chủ trì để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các nội dung chi được giao khoán thì lập dự toán vào nhóm mục chi khác; đối với các nội dung chi không được giao khoán thì lập dự toán vào các nhóm mục tương ứng theo quy định của mục lục ngân sách nhà nước.

b. Phê duyệt dự toán:

Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án có trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán kinh phí của đề tài, dự án theo đúng chế độ và định mức quy định. Trường hợp các khoản chi về vật tư, hóa chất, nguyên nhiên vật liệu không có các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án quyết định dự toán chi cho các nội dung này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Sử dụng kinh phí của đề tài, dự án :

Dự toán kinh phí được phê duyệt và phân bổ cho từng đề tài, dự án là mức tối đa để thực hiện đề tài, dự án. Trong phạm vi tổng dự toán kinh phí của đề tài, dự án và căn cứ quy chế chi tiêu kinh phí của đề tài, dự án đã được thống nhất với thủ trưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án được quyền tự chủ trong việc sử dụng dự toán kinh phí được duyệt để tổ chức thực hiện đề tài, dự án theo các quy định dưới đây:

a. Đối với các nội dung chi được giao khoán:

- Đối với các nội dung chi trả về tiền công, thù lao cho các cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật thực hiện các nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chuyên gia nhận xét, phân biện, đánh giá; lao động khác tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án; chi hội thảo khoa học: Chủ nhiệm đề tài, dự án được quyền quyết định các mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định của Nhà nước, tùy theo chất lượng và hiệu quả công việc đặt hàng nghiên cứu.

- Đối với nội dung chi công tác phí trong nước: Chủ nhiệm đề tài, dự án được quyền quyết định mức thanh toán công tác phí cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ công tác phí đối với cán bộ, công chức khi đi công tác phù hợp với điều kiện và những quy định cụ thể của tổ chức chủ trì đối với các nội dung chi về công tác phí.

- Đối với nội dung chi về thông tin, liên lạc, sách báo, tư liệu, văn phòng phẩm, vật tư, hóa chất, nguyên nhiên vật liệu, đoàn vào, các khoản chi hỗ trợ (nếu có) và các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án: Chủ nhiệm đề tài, dự án được chủ động thực hiện các khoản chi này trên cơ sở yêu cầu của đề tài, dự án theo hướng tiết kiệm, có hiệu quả và đúng với hoạt động nghiệp vụ thực tế phát sinh khi thực hiện đề tài, dự án.

b. Đối với các nội dung chi không được giao khoán: Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện quản lý và chi tiêu theo các quy định hiện hành của Nhà nước và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c. Điều chỉnh dự toán kinh phí các nội dung chi của đề tài, dự án:

- Đối với dự toán các nội dung chi được giao khoán: trong phạm vi tổng dự toán kinh phí được giao khoán, chủ nhiệm đề tài, dự án được quyền điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi theo yêu cầu của công việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Đối với dự toán các nội dung chi không được giao khoán: Trong trường hợp cần thiết, việc điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi được thực hiện sau khi xin ý kiến cơ quan trực tiếp giao đề tài, dự án.

d. Trường hợp thủ trưởng tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án không thống nhất về mức chi, về điều chỉnh dự toán kinh phí các nội dung chi thì thủ trưởng tổ chức chủ trì là người quyết định cuối cùng và chịu trách nhiệm về quyết định đó; chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm thực hiện.

5. Thay đổi dự toán kinh phí của đề tài, dự án :

a. Trong trường hợp phải thay đổi mục tiêu, nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chính của đề tài, dự án cho phù hợp với tình hình thực tế, hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án, từ đó làm thay đổi cơ bản dự toán kinh phí của đề tài, dự án thì chủ nhiệm đề tài, dự án và thủ trưởng tổ chức chủ trì lập dự toán kinh phí điều chỉnh của đề tài, dự án theo các mục tiêu, nội dung của đề tài, dự án cần phải thay đổi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án quyết định.

b. Việc lập dự toán và phê duyệt dự toán kinh phí điều chỉnh của đề tài, dự án được thực hiện theo quy định tại Điểm 1, 2, 3 Mục II nêu trên.

c. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc sử dụng kinh phí theo dự toán điều chỉnh của đề tài, dự án được thực hiện theo chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án quy định tại Thông tư này.

6. Quyết toán kinh phí đề tài, dự án:

a. Nguyên tắc quyết toán:

- Kinh phí của đề tài, dự án được phân bổ và giao thực hiện của năm nào phải được quyết toán theo niên độ ngân sách năm đó theo đúng quy định hiện hành. Đối với các đề tài, dự án thực trong nhiều năm, thì tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án quyết toán hàng năm theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi. Khi kết thúc đề tài, dự án thì tổng hợp lũy kế quyết toán từ năm đầu thực hiện đến năm báo cáo.

- Kinh phí thực hiện đề tài, dự án (bao gồm kinh phí được giao khoán và không được giao khoán) chi thực tế cho nội dung nào thì hạch toán vào mục chi tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Quyết toán kinh phí của đề tài, dự án phải căn cứ kết quả của từng nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được chủ nhiệm đề tài, dự án và thủ trưởng tổ chức chủ trì công nhận bằng văn bản đạt yêu cầu trở lên.

- Đối với các đề tài, dự án thực hiện trong nhiều năm, kinh phí quyết toán hàng năm phải phù hợp với khối lượng công việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã thực hiện.

- Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm báo cáo quyết toán năm và tổng hợp lũy kế quyết toán của đề tài, dự án khi kết thúc với tổ chức chủ trì.

- Tổ chức chủ trì có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và xét duyệt quyết toán của chủ nhiệm đề tài, dự án để tổng hợp vào báo cáo quyết toán của đơn vị gửi cơ quan chủ quản theo quy định hiện hành hoặc Văn phòng các Chương trình (nếu có).

b. Chứng từ thanh, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án:

- Hồ sơ thanh, quyết toán đối với các khoản chi trả tiền công, thù lao về chi hội thảo khoa học là bảng kê danh sách, số tiền chi cho từng người, có chữ ký của người nhận tiền, được chủ nhiệm đề tài, dự án ký xác nhận.

- Hồ sơ thanh, quyết toán đối với các khoản chi trả tiền công, thù lao về chi phản biện, nhận xét, đánh giá của chuyên gia là văn bản ý kiến phản biện, nhận xét, đánh giá và giấy biên nhận nhận tiền có chữ ký của người nhận, được chủ nhiệm đề tài, dự án ký xác nhận.

- Hồ sơ thanh, quyết toán đối với các hợp đồng đặt hàng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

+ Đối với cá nhân thì chứng từ thanh, quyết toán bao gồm: hợp đồng, thanh lý hợp đồng, các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chủ nhiệm đề tài, dự án ký xác nhận đạt yêu cầu nghiệm thu, thanh toán; phiếu chi tiền.

+ Đối với tổ chức (pháp nhân) thì chứng từ thanh, quyết toán bao gồm: hợp đồng, thanh lý hợp đồng, các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án ký xác nhận đạt yêu cầu nghiệm thu, thanh toán; phiếu chi tiền hoặc chuyển khoản, phiếu thu tiền của bên nhận hợp đồng.

- Đối với các khoản chi mua sắm tài sản cố định, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, công tác phí trong và ngoài nước và các khoản chi khác thì chứng từ quyết toán được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Đối với kinh phí tiết kiệm: Chứng từ quyết toán là bản báo cáo chênh lệch (nếu có) giữa tổng dự toán kinh phí của đề tài, dự án được duyệt so với tổng kinh phí thực tế chi tiêu của đề tài, dự án.

c. Số dư (dự toán, tạm ứng) của các đề tài, dự án đang trong thời gian thực hiện theo kế hoạch đã được duyệt, được chuyển sang năm sau thực hiện tiếp.

Đối với các đề tài, dự án đã kết thúc và được nghiệm thu trong năm (đến hết ngày 31/12) thì chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm báo cáo chi tiết các khoản kinh phí đã tạm ứng cho những công việc của đề tài, dự án đến hết ngày 31/12 để tổ chức chủ trì quyết toán (trong thời gian chính lý quyết toán) vào niên độ ngân sách năm đó theo quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước.

7. Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đề tài, dự án:

Tổ chức chủ trì đề tài, dự án được sử dụng kinh phí tiết kiệm của đề tài, dự án theo nguyên tắc sau:

a. Đối với kinh phí tiết kiệm từ những nội dung chi được giao khoán của đề tài, dự án :

- Khen thưởng tập thể, cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án có nhiều thành tích đóng góp cho thành công của đề tài, dự án và tổng mức tiền thưởng không vượt quá 100 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ 70% số kinh phí tiết kiệm được nếu đề tài, dự án được đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý đạt “mức A”;

+ 60% số kinh phí tiết kiệm được nếu đề tài, dự án được đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý đạt “mức B”;

+ 40% số kinh phí tiết kiệm được nếu đề tài, dự án được đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý đạt “mức C”;

Mức thưởng cụ thể cho cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án do chủ nhiệm đề tài, dự án quyết định sau khi thống nhất với thủ trưởng tổ chức chủ trì.

- Phần kinh phí tiết kiệm còn lại được trích vào các Quỹ của tổ chức chủ trì theo quy định hiện hành áp dụng cho tổ chức chủ trì.

b. Đối với kinh phí tiết kiệm từ những nội dung chi không được giao khoán của đề tài, dự án: tổ chức chủ trì được trích vào Quỹ phát triển sự nghiệp. Trường hợp tổ chức chủ trì không có Quỹ phát triển sự nghiệp thì nộp ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

8. Sử dụng các sản phẩm của đề tài, dự án :

a. Sản phẩm của đề tài, dự án là tài sản trí tuệ: việc sử dụng sản phẩm được thực hiện theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b. Sản phẩm của đề tài, dự án là sản phẩm vật chất sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước, khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường thì nguồn thu sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân phối như sau:

- 40% nộp ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- 30% trích lập Quỹ phát triển sự nghiệp của tổ chức chủ trì. Trường hợp tổ chức chủ trì không có Quỹ phát triển sự nghiệp thì nộp ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- 30% dùng để khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện đề tài, dự án và tổng mức tiền thưởng không vượt quá 100 triệu đồng đối với 01 đề tài, dự án. Phần tiền thưởng vượt quá mức 100 triệu đồng được trích vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi của tổ chức chủ trì.

c. Trường hợp hợp đồng nghiên cứu sản phẩm đề tài, dự án quy định phần kinh phí của Nhà nước hỗ trợ thì sản phẩm của đề tài, dự án thuộc sở hữu của tổ chức chủ trì; tổ chức chủ trì phải tổ chức theo dõi hạch toán, quản lý sản phẩm đề tài, dự án theo quy định của Nhà nước hiện hành.

9. Xử lý tài sản được mua sắm bằng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước của đề tài, dự án:

a. Đối với đề tài, dự án sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thì tài sản được mua sắm là tài sản Nhà nước. Sau khi đề tài, dự án hoàn thành, nghiệm thu và quyết toán kinh phí, tài sản này được xử lý theo các quy định hiện hành về quản lý tài sản của Nhà nước, cụ thể như sau:

- Trường hợp chủ trì đề tài, dự án là tổ chức KH&CN công lập và có nhu cầu sử dụng thì cơ quan chủ quản của đề tài, dự án xem xét quyết định ghi tăng tài sản cho tổ chức chủ trì.

- Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị của Nhà nước còn thiếu tài sản có nhu cầu sử dụng hoặc còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do Nhà nước quy định.

- Tổ chức bán đấu giá để thu tiền nộp ngân sách nhà nước đối với các tài sản vẫn còn sử dụng được. Trường hợp tổ chức chủ trì đề tài, dự án không phải là cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước, nếu có nhu cầu thì được ưu tiên mua theo giá thị trường của tài sản tại thời điểm bán.

- Thanh lý tài sản đối với các tài sản không còn sử dụng được.

Việc tổ chức bán đấu giá, thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Trường hợp kinh phí của Nhà nước có tính chất hỗ trợ hoặc tổ chức chủ trì đề tài, dự án đã nộp ngân sách nhà nước kinh phí thu hồi từ các dự án sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ theo quy định, thì tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách nhà nước thuộc quyền quản lý của đơn vị tổ chức chủ trì. Việc quản lý và sử dụng tài sản được thực hiện theo các quy định hiện hành.

10. Quy định về công khai thực hiện đề tài, dự án:

Các tổ chức chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm thực hiện việc công khai tài chính theo quy định hiện hành; đồng thời thực hiện việc công khai nội dung đề tài, dự án (trừ các đề tài, dự án có nội dung cần bảo mật, do cơ quan có thẩm quyền quy định), cụ thể như sau:

a. Công khai tại tổ chức chủ trì:

- Nội dung công khai:

+ Tên đề tài, dự án được giao.

+ Tên chủ nhiệm đề tài, dự án và các thành viên chính tham gia thực hiện đề tài, dự án.

+ Mục tiêu của đề tài, dự án.

+ Các nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chính phải thực hiện.

+ Thời gian thực hiện đề tài, dự án.

+ Các kết quả chính phải đạt được sau khi đề tài, dự án kết thúc.

+ Tổng số kinh phí thực hiện đề tài, dự án, trong đó tổng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và có ghi chi tiết theo các nội dung chi chủ yếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các kết quả thực hiện đề tài, dự án đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận.

+ Quyết toán kinh phí đã chi để thực hiện đề tài, dự án và chi tiết theo các nội dung chi chủ yếu.

+ Tổng kinh phí tiết kiệm của đề tài, dự án.

- Phương thức công khai:

+ Niêm yết tại nơi dễ nhận biết.

+ Công khai tại các cuộc họp thường niên của tổ chức chủ trì.

- Thời gian công khai: chậm nhất là 30 ngày sau khi đề tài, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và việc công khai phải được duy trì trong suốt thời gian thực hiện. Riêng về quyết toán kinh phí sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các kết quả thực hiện đề tài, dự án đã được cấp có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu và công nhận phải thực hiện công khai ngay sau khi được phê duyệt và được duy trì trong thời hạn 90 ngày.

b. Công khai ngoài phạm vi tổ chức chủ trì:

- Nội dung công khai:

+ Tên đề tài, dự án được giao.

+ Tên chủ nhiệm đề tài, dự án.

+ Mục tiêu của đề tài, dự án.

+ Các nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chính phải thực hiện.

+ Thời gian thực hiện đề tài, dự án.

+ Các kết quả chính phải đạt được sau khi đề tài, dự án kết thúc.

+ Tổng số kinh phí thực hiện đề tài, dự án, trong đó tổng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các kết quả thực hiện đề tài, dự án đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận.

- Phương thức công khai:

+ Trên trang Web của tổ chức chủ trì (nếu có).

+ Đăng trên các Tạp chí và Báo chuyên ngành trong 03 số liên tiếp.

- Thời gian công khai: chậm nhất là 30 ngày sau khi đề tài, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và ngay sau khi đề tài, dự án được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận.

Trường hợp tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi tổ chức chủ trì muốn tìm hiểu chi tiết hơn thì tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm cung cấp những nội dung của đề tài, dự án đã được công khai tại tổ chức chủ trì cho tổ chức, cá nhân đó.

11. Chế tài xử lý đối với các đề tài, dự án không hoàn thành:

a. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác định đề tài không hoàn thành của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, chủ nhiệm đề tài, dự án, tổ chức chủ trì lập báo cáo chi tiết toàn bộ quá trình thực hiện (nội dung hoạt động và sử dụng kinh phí) của đề tài, dự án; xác định rõ các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) gửi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc đề tài không hoàn thành.

b. Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền tùy theo nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan dẫn đến việc các đề tài, dự án không hoàn thành để ra quyết định xử lý cụ thể như sau:

- Nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ kinh phí của đề tài, dự án đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

- Đối với phần kinh phí của ngân sách nhà nước đã sử dụng, được xử lý như sau:

+ Trường hợp do nguyên nhân chủ quan, phải quy rõ trách nhiệm của từng cá nhân để thu hồi tối đa kinh phí cho ngân sách nhà nước. Tổng mức thu hồi tối thiểu không thấp hơn 30% kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng cho đề tài, dự án.

+ Trường hợp do nguyên nhân khách quan: Tổng mức thu hồi tối đa không quá 10% kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng cho đề tài, dự án.

+ Mức thu hồi cụ thể do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án xem xét quyết định. Nguồn kinh phí nộp trả ngân sách nhà nước: 50% do Chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm nộp trả; 50% từ các Quỹ và các nguồn kinh phí tự có khác của tổ chức chủ trì.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án có quyết định về việc nộp hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Trong trường hợp nguồn các Quỹ và các nguồn tự có khác hiện có của tổ chức chủ trì không đủ nộp hoàn trả ngân sách, thì được chuyển phần còn thiếu sang năm sau để tiếp tục hoàn trả ngân sách nhà nước.

- Các tổ chức chủ trì đề tài, dự án tổng hợp tình hình thực hiện việc thu hồi kinh phí hoàn trả ngân sách nhà nước vào báo cáo quyết toán hàng năm của đơn vị mình gửi cơ quan chủ quản cấp trên để tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

Các hình thức xử lý khác đối với các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án không hoàn thành được Bộ KH&CN quy định tại các văn bản khác.

12. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án, các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền:

a. Đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án:

- Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án phải lập dự toán kinh phí của đề tài, dự án trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ, ngành chức năng ban hành, chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm về các nội dung và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án; chịu trách nhiệm báo cáo và thuyết minh rõ số liệu chi tiết quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án với tổ chức chủ trì.

- Tổ chức chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi và thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện đề tài, dự án; chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán của đề tài, dự án. Có trách nhiệm đôn đốc và có các giải pháp cần thiết để việc nộp hoàn trả ngân sách nhà nước của Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện theo đúng quy định tại Điểm 11.b nêu trên.

b. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền:

- Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm phê duyệt nội dung, dự toán kinh phí của đề tài, dự án trên cơ sở thẩm định chi tiết mục tiêu, nội dung, sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (đối với các đề tài nghiên cứu ứng dụng, dự án chuyển giao thì sản phẩm cuối cùng phải đạt mục tiêu ứng dụng được vào thực tế) và dự toán kinh phí; kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án theo quy định.

- Cơ quan tài chính cùng cấp phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án kiểm tra tài chính, thẩm định quyết toán của đề tài, dự án, thực hiện quản lý tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

- Kho bạc nhà nước thực hiện cấp phát, thanh toán, kiểm soát chi kinh phí thực hiện đề tài, dự án theo các quy định hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Đối với các đề tài, dự án đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đang thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt đề tài, dự án.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân, các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ để phối hợp xử lý ./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THỨ TRƯỞNG
Trần Quốc Thắng

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG
Đỗ Hoàng Anh Tuấn